TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS- ST
Ngày: 30/09/2020
V/v: Tranh chấp
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Kiên
2. Ông Quách Hà Vính

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST- DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Sacombank).
Địa chỉ: 266-268 N, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Huy P – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Thanh Hóa.
Địa chỉ: 126, 128, 130 N, Phường B, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện theo ủy quyền của ông P:
Ông Mai Lê M; Sinh năm: 1989
Chức vụ: Phó phòng giao dịch B.
Địa chỉ: Số 69 N, Khu phố 2, Phường n, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt
2.Bị đơn: Ông Quách Văn T; Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt tại Tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/09/2017, anh Quách Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng)

với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện giao dịch với số tiền là 12.800000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, thời điểm ban đầu anh T trả nợ đúng hạn, nhưng kể từ kỳ trả nợ ngày 05/07/2018 anh T thường xuyên quá hạn. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh T vẫn không có thiện chí trả nợ và dừng thanh toán cho ngân hàng kể từ kỳ trả nợ 05/04/2019. Do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/04/2020, anh T còn nợ Ngân hàng số tiền là 14.342.237 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 10.880.221đ, lãi quá hạn là 3.462.016đ. Nay Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh Quách Văn T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/04/2020 là 14.342.237 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) và yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số tiền anh Quách Văn T phải thanh toán đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (30/9/2020) là 16.178.509đ. Trong đó nợ gốc là 10.880.221đ và lãi quá hạn là 5.298.288đ. Ngân hàng không tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ này kể từ sau khi Tòa án xét xử cho đến khi anh T trả xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Triệu tập anh T để nộp bản tự khai nhưng anh T vắng mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S và anh Quách Văn T đang tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" do anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Quách Văn T có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Quách Văn T vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mặt anh T và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tình đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên toà, anh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh T.

[5]. Về hình thức của hợp đồng:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/9/2017 mà phía Ngân hàng cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa anh Quách Văn T và Ngân hàng TMCP S được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền là anh Quách Văn T và có chữ ký và đóng dấu của phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, là hợp đồng hợp pháp.

[6]. Về số tiền nợ, nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/9/2017 anh Quách Văn T có vay của Ngân hàng số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Số tiền trả mỗi kỳ tối thiểu là 300.000đ, thời gian trả nợ vào ngày 22 hàng tháng, số tiền phạt chậm trả một kỳ là 80.000đ.

Theo bảng tóm tắt sao kê của anh Quách Văn T mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đã thể hiện anh T chỉ trả nợ cho Ngân hàng từ tháng 12/2017 đến tháng 03/2019, sau đó không tiếp tục trả nợ nữa. Phía Ngân hàng cũng đã Thông báo về việc nợ quá hạn cho anh T biết, tại biên bản làm việc ngày 21/02/2020 giữa Ngân hàng và anh T, anh T cũng đã cam kết sẽ trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh T không thực hiện. Như vậy phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc còn lại và lãi phát sinh là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

[7]. Về việc thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ sau ngày xét xử sơ thẩm 30/11/2020 cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 147 BLTTDS; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc anh Quách Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là (ngày 30/9/2020) là 16.178.509đ (Mười sáu triệu một trăm bảy tám ngàn năm trăm linh chin đồng). Trong đó nợ gốc là 10.880.221đ và lãi quá hạn là 5.298.288đ.

2. Về án phí: Anh Quách Văn T phải chịu 809.000đ (Tám trăm linh chín ngàn đồng) án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0002803 ngày 01/7/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn Kiên **Quách Hà Vính** **Nguyễn Thị Cúc**